

Cao Bằng, ngày 07 tháng 9 năm 2022

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 05 (huyện Bảo Lâm)

Môn: Phần F.I - Nghiên cứu thực tế

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Bàn Thị Vân Anh	8,50	Tám phẩy năm	42	Lương Hà Lý	8,00	Tám
2	Hoàng Ngọc Anh	8,25	Tám phẩy hai năm	43	Nguyễn Ngọc Mẫn	8,00	Tám
3	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	8,25	Tám phẩy hai năm	44	Mạc Văn Minh	8,00	Tám
4	Nông Văn Cường	8,00	Tám	45	Nông Văn Minh	8,00	Tám
5	Hoàng Cao Cường	8,00	Tám	46	Nông Văn Mịch	8,00	Tám
6	Nguyễn Đức Chinh	8,00	Tám	47	Lâu Thị My	8,25	Tám phẩy hai năm
7	Nông Văn Dũng	8,00	Tám	48	Hoa Thị Nga	8,75	Tám phẩy bảy năm
8	Quan Thị Dung	8,00	Tám	49	Hoàng Thị Ngân	8,25	Tám phẩy hai năm
9	Phuong Đình Duy	8,50	Tám phẩy năm	50	Nguyễn Hoàng Ngoan	8,50	Tám phẩy năm
10	Lý Văn Dinh	8,00	Tám	51	Liên Thị Nguyên	8,00	Tám
11	Hà Thị Duyên	8,00	Tám	52	Mã Văn Nhâm	8,00	Tám
12	Hoàng Thị Duyên	8,50	Tám phẩy năm	53	Bế Thị Nhung	8,25	Tám phẩy hai năm
13	Lãnh Thị Duyệt	8,25	Tám phẩy hai năm	54	Sầm Thị Phiên	8,25	Tám phẩy hai năm
14	Lục Văn Đức	8,25	Tám phẩy hai năm	55	Hà Văn Phong	8,00	Tám
15	Mông Thị Điệp	8,00	Tám	56	Đặng Văn Quân	8,00	Tám
16	Dương Thị Điệp	8,00	Tám	57	Trần Hùng Quang	9,00	Chín
17	Dương Văn Định	8,00	Tám	58	Âu Hoàng Quốc	8,00	Tám
18	Nguyễn Thị Thu Hà	8,50	Tám phẩy năm	59	Nông Thị Sấn	8,00	Tám
19	Phan Thị Hạnh	8,00	Tám	60	Vương Văn Sinh	8,00	Tám
20	Trịnh Thị Hạnh	8,25	Tám phẩy hai năm	61	Vi Văn Sơn	8,00	Tám
21	Lã Xuân Hải	9,00	Chín	62	Phùng Văn Tập	8,00	Tám
22	Nông Thị Hậu	8,50	Tám phẩy năm	63	Anh Thị Thanh	8,00	Tám

DHB

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Ma Xuân Hòa	8,00	Tám	64	Mạc Văn Thánh	8,00	Tám
24	Tô Thị Thu Hoài	8,25	Tám phẩy hai năm	65	Hoàng Văn Thành	8,00	Tám
25	Ma Thị Hoàn	8,00	Tám	66	Nguyễn Thị Phương Thảo	8,25	Tám phẩy hai năm
26	Hà Thị Bích Hồng	8,25	Tám phẩy hai năm	67	Nông Thị Thảo	8,25	Tám phẩy hai năm
27	Mạc Văn Huấn	8,00	Tám	68	Hoàng Thị Thời	8,50	Tám phẩy năm
28	Nông Thị Huệ	8,00	Tám	69	Lữ Thị Thu	8,00	Tám
29	Mã Thị Huệ	8,00	Tám	70	Mạc Thị Thu	8,00	Tám
30	Nguyễn Như Hùng	8,00	Tám	71	Lữ Thu Thủy	8,25	Tám phẩy hai năm
31	Hoa Mạnh Hưng	8,50	Tám phẩy năm	72	Hoàng Lệ Thủy	9,00	Chín
32	Nông Thị Hương	8,25	Tám phẩy hai năm	73	Lãnh Thị Phương Trang	8,00	Tám
33	Chu Thị Thanh Huyền	8,00	Tám	74	Triệu Thị Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
34	Ngô Văn Khánh	8,25	Tám phẩy hai năm	75	Lãnh Thị Trọng	8,00	Tám
35	Phạm Thị Khuyên	8,00	Tám	76	Mã Thị Tú	8,25	Tám phẩy hai năm
36	Nông Ngọc Kiên	8,25	Tám phẩy hai năm	77	Hoàng Huy Tuyên	8,50	Tám phẩy năm
37	Lương Thị Ngọc Lan	8,00	Tám	78	Nông Văn Tuyên	8,00	Tám
38	Hà Thị Lan	9,00	Chín	79	Phương Ánh Tuyết	8,50	Tám phẩy năm
39	Nông Thị Lành	8,00	Tám	80	Mạc Thị Vê	8,00	Tám
40	Triệu Thị Liên	8,25	Tám phẩy hai năm	81	Nông Thị Chuyên (K4)	8,00	Tám
41	Dương Văn Lợi	8,00	Tám				

Điểm 8,00: 46 điểm; Điểm 8,25: 20 điểm; Điểm 8,50: 10 điểm; Điểm 8,75: 01 điểm; Điểm 9,00: 04 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

DHL

Quỳnh



Đoàn Thị Kim Liên

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa